

Số: 152 /BC-THCSTTH

Cần Giờ, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36 và 09 Và kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ vào Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục”.

Trường THCS Tam Thôn Hiệp báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Tam Thôn Hiệp
- Địa chỉ: Ấp An Lộc, xã Tam thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh
- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập
- Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

Trường Trung học cơ sở Tam thôn Hiệp xác định tầm nhìn đến năm 2025 là một trong những trường có uy tín về chất lượng của huyện, là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là môi trường giáo dục đáng tin cậy cho cha mẹ học sinh yên tâm cho con học tại trường, là nơi để giáo viên và học sinh thể hiện tính năng động và cầu tiến. Đồng thời, thực hiện sứ mệnh: “Tạo môi trường học tập có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao” nhằm giáo dục cho các thế hệ học sinh có tinh thần vượt khó, có ý chí, có đủ năng lực và tri thức để đáp ứng được công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước; phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường giáo dục những giá trị cốt lõi như biết vượt khó trong học tập; có tinh thần kiên trì và nhẫn nại; có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; có lập trường tư tưởng vững vàng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ với phương châm: “Rèn đức, luyện tài - Không ngừng vươn lên”.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ và học sinh đã học tiểu học tại Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp, có hộ khẩu ở các ấp: ấp An Hòa, ấp An Lộc, ấp Trần Hưng Đạo.

Trường có tổng diện tích 18.192 m², bao gồm khối Phòng học, phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập, khối hành chính, hội trường, diện tích sân chơi,... Trường được xây dựng theo mô hình 01 trệt 02 lầu đối với khối phòng học, phòng bộ môn và 01 trệt 01 lầu đối với khối hành chính. Các phòng học, phòng làm việc đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường luôn được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ, Đảng ủy và chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng vươn lên của cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường, nhiều năm liền trường đã được công nhận tập thể lao động tiên và lao động xuất sắc.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, cán bộ quản lý, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 38 người. Về học sinh, trường hiện có 13 lớp cho khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 450 học sinh.

Chi bộ nhà trường gồm có 20 đảng viên, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà trường và đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh. Các tổ chức Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều phối hợp hoạt động tích cực vì mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Công tác quản lý chất lượng giáo dục trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được tăng cường và đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng. Hằng năm, nhà trường đều có đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng công nghệ thông tin. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương đạo đức, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh, những chuyên viên tâm lý,... kết hợp với nội dung cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhà trường luôn nỗ lực tích cực trong

hoạt động phong trào thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở nhà trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức như: tự học, học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Về quản lý tài chính và tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong công tác quản lý và điều hành.

Khó khăn: Một số khối phòng hành chính và chức năng phục vụ học tập, xây dựng lâu đã xuống cấp. Hơn 50 % học sinh thuộc diện gia đình chính sách, phần lớn phụ huynh lao động phổ thông thu nhập thấp, có nguồn thu không ổn định.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Nguyễn Ngọc Phương

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh

+ Số điện thoại: 0937601110

+ Web site: c2tamthonhiiep.hcm.edu.vn

- Tổ chức bộ máy:

+ Trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp được thành lập theo Quyết định số 654/199QĐ-UB, ngày 13 tháng 09 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

+ Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 620/QĐ-UBND của chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ngày 24 tháng 5 năm 2022 gồm 13 thành viên, trong đó chủ tịch hội đồng là ông Nguyễn Ngọc Phương – Hiệu trưởng, bí thư chi bộ nhà trường và 13 thành viên khác đúng theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện hành.

- Nhà trường xây dựng đầy đủ chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, nghị quyết hội đồng trường, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38		01	26	04	03	04	7	23	00	01	26			30
I	Giáo viên	28		01	24	03	00	00	7	21	0	01	25			28
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	4		1	2	1			2	2			3			4
2	Ngữ văn	3			4					3			3			3
3	Lý	2			2				2				2			2
4	Hóa	1			1					1			1			1
5	Sinh	3			2	1			1	2			2			3
6	Sử	3			3					3			3			3
7	Địa	2			2					2			2			2

	bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Phục vụ	2						2								
10	Bảo vệ	2						2								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I.	Diện tích và điểm trường		
1	Tổng số diện tích đất (m ²)	18192	43,42
2	Số điểm trường	01	
II	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính, phòng học, khối phòng học, khối phòng hỗ trợ học tập, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ...	21	Số m ² /học sinh
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Khối hành chính	7	-
3	Số phòng học bộ môn	04	-
4	Số phòng THPTN	04	-
5	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	04	-

6	Số phòng phục vụ	02	-
7	Bình quân học sinh/lớp	34,9	-
8	Khu sân chơi thể dục thể thao	3000	7,16
III	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.176	2.8
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	720	1,72
3	Diện tích thư viện (m ²)	164	0,39
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	360	0,86
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	112	0,27
6	Diện tích khối phòng hành chính		
IV	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	72	06 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	18	06 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	18	06 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	18	06 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	18	06 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	108	02 bộ/lớp
2.1	Khối lớp 6	27	09 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	27	09 bộ/lớp

2.3	Khối lớp 8	27	09 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9	27	09 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ 0,19HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	00	
5	Thiết bị khác (bảng tương tác, màn hình đa năng)	03	
6	Máy chiếu	03	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00		

XIII	Khu nội trú	00		
-------------	--------------------	----	--	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.03
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Đính kèm tài liệu)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	442	128	110	83	121
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	331 74.89 %	107 83.59 %	72 64.45 %	61 73.49 %	91 75.21 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98 22.17 %	16 12.50%	32 29,09%	20 24,10%	30 24,79%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13 2,94%	05 3.91%	06 5,45%	02 2,41%	00 0,0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
II	Số học sinh chia theo học lực	442	128	110	83	121
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	66 14,93%	19 14,84%	20 18,18	06 7,23%	21 17,36%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	192 43,44%	55 42,97%	37 33,64%	43 51.81%	57 47.11%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	169 38,24%	50 39,06%	45 40,91%	31 37,35%	43 35,54%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	15 3,39%	04 3,13%	08 7,27%	03 3,61%	00 0,0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00 0.0%	0 00%	0 00%	00 0.0%	0 00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	442	128	110	83	121
1	Lên lớp	427	124	102	80	121

	(tỷ lệ so với tổng số)	96,61%	96,88%	92,73%	96,39%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	66 14,93%	19 14,84%	20 18,18	06 7,23%	21 17,36%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	192 43,44%	55 42,97%	37 33,64%	43 51,81%	57 47,11%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	15 3,39%	04 3,13%	08 7,27%	03 3,61%	00 0,0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00 0.0%	0 00%	0 00%	00 0.0%	0 00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	02/00	00/00	00/00	02/00	00/00
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	03	01	00	01	01
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	442	128	110	83	121
1	Cấp huyện	17	02	03	05	07
2	Cấp tỉnh/thành phố	05	00	00	03	02
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	01	0	0	0	01
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					121
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					121
1	Giỏi					21

	(tỷ lệ so với tổng số)					17,36%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					57 47.11%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					43 35,54%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					00
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	249/193	72/56	62/48	48/35	67/54
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	19	07	05	03	07

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(Đính kèm tài liệu)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Thực hiện tốt việc củng cố đoàn kết nội bộ.
- Xây dựng và củng cố văn hóa nhà trường.
- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh.
- Bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu giáo dục theo chương trình 2018.
- Thực hiện nghiêm túc chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.
- Chăm lo tốt cho đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Trên đây là báo cáo thực công khai Thông tư 36, Thông tư 09 và kiểm định chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Phương